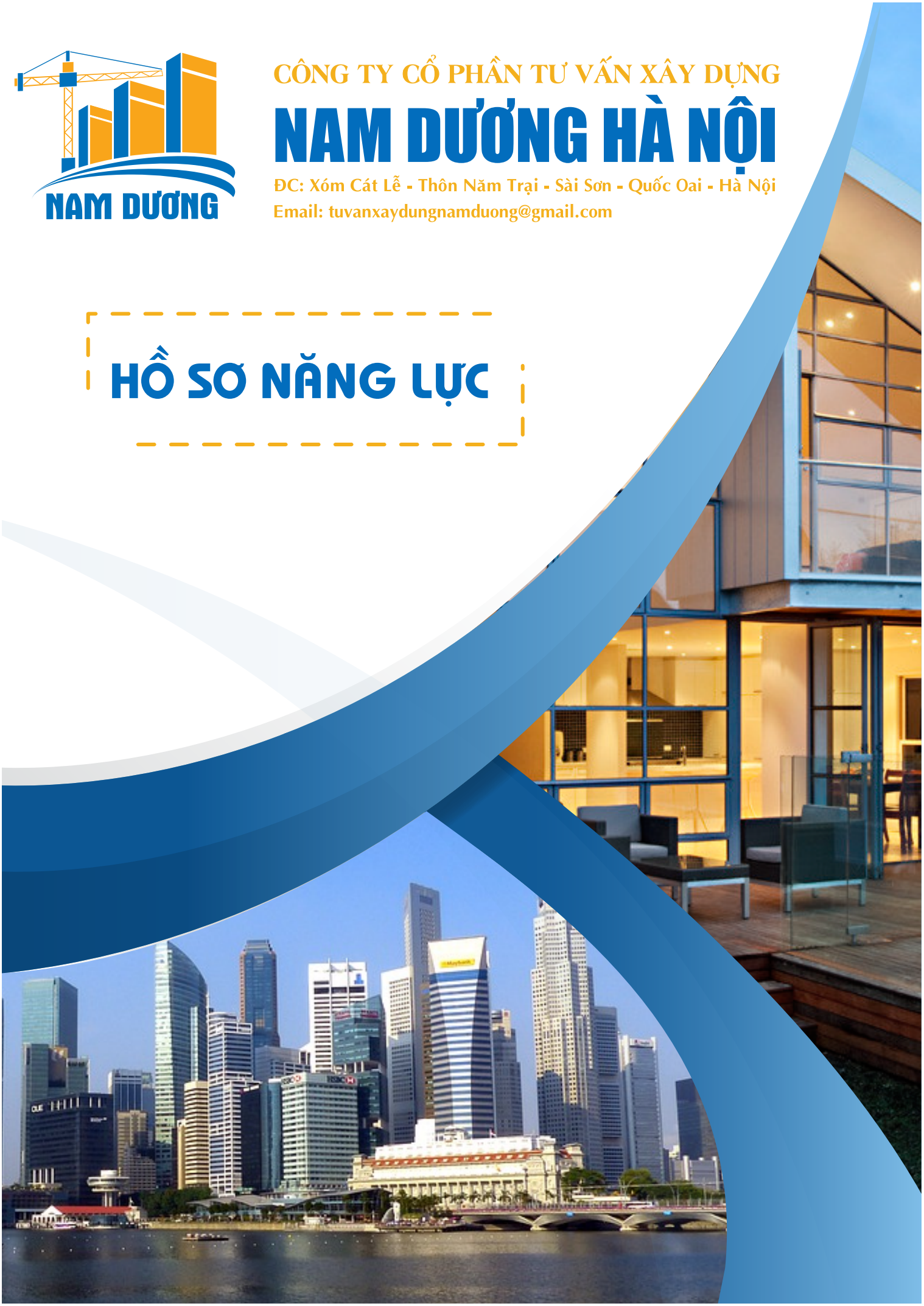
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG

NAM DƯƠNG HÀ NỘI

ĐC: Xóm Cát Lễ - Thôn Năm Trại - Sài Sơn - Quốc Oai - Hà Nội
Email: tuvanxaydungnamduong@gmail.com

HỒ SƠ NĂNG LỰC



HỒ SƠ
GIỚI THIỆU NĂNG LỰC

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI
Trụ sở : Cát Lễ, thôn Năm Trại, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội.
Tel : 0984 049 115, 0942 468 648 - Fax : 024.66.756.558
Email: tuvanxaydungnamduong@gmail.com
Website: www.xaydungkiemdinhndhn.com

Hà nội

CÔNG TY CP TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI
Số:08/25 /CTV-TV-TC

V/v *Xin tham gia thi công xây dựng, tư vấn giám sát, khảo sát địa chất địa hình, thẩm tra, thiết kế….*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
****

ĐƠN XIN DỰ THẦU

Kính gửi : .....
Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội
Trụ sở tại: Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, xã Quốc Oai, TP Hà Nội.
VPĐD : Khu đô thị Trung Văn, phường Đại Mỗ, thành phố Hà Nội.

Với chức năng tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát thi công, thi công xây dựng công trình dân dựng công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, khảo sát địa hình địa chất, thủy văn, thí nghiệm vật liệu, thiết kế…có hoạt động trong cả nước. với đội ngũ cán bộ công nhân viên có kinh nghiệp, gồm các chuyên viên kiến trúc sư, kỹ sư và công nhân kỹ thuật chuyên nghành cùng với sự gắn bó hợp tác lâu dài với các nhà khoa học hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng.

Trên cơ sở xét thấy năng lực kinh tế, chuyên môn và các điều kiện khác để hoàn thành tốt công việc, để đản bảo yêu cầu cao về mặt mỹ thuật, kỹ thuật, tiến độ của công trình. Chúng tôi làm đơn này xin được nhận thầu các công trình tư vấn thiết kế, tư vấn giám sát, thi công các công trình dân dụng công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật
Côngtrinh……
……
Kính mong đề đạt của chúng tôi được quý cơ quan và các đối tác chấp thuận
Xin chân thành cảm ơn

Nơi nhận:
- *Như trên*
- *Lưu VP*

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

M.S.D.N: 0108595553 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC

GIỚI THIỆU

Thông tin chung về Công ty

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội được hình thành tiền thân dựa trên quy mô tổ chức và nhân sự của các phòng ban trọng điểm (phòng thiết kế, phòng khảo sát địa hình- địa chất, phòng giám sát chất lượng), các chủ nhiệm dự án, chủ trì thiết kế, chủ trì khảo sát, tư vấn giám sát trưởng của các công ty tư vấn có bề dày kinh nghiệm như: **Công ty CP tư vấn đầu tư xây dựng công trình giao thông 1- Tecco1** thuộc Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1- Cienco 1; **Công ty CP Tư vấn thiết kế đường bộ - Heco** thuộc Tổng công ty Tư vấn thiết kế giao thông vận tải – Tedi, **Công ty CP Tư vấn đầu tư và xây dựng HUDCIC**, Công ty TNHH **Tư vấn đại học xây dựng**, Coninco, **CDC**…… và các phòng ban, xí nghiệp, đội thi công, giám đốc điều hành dự án, chỉ huy trưởng công trình của các công ty thi công xây lắp uy tín như: **Tổng công ty xây dựng công trình giao thông 1- Cienco1**, Công ty CP xây dựng Lũng Lô 2- Bộ Quốc phòng, Công ty cổ phần xây dựng số 2 Hà Nội …

Ngay từ những ngày mới thành lập, **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội** đã có thế mạnh với việc áp dụng quy mô quản lý, điều hành của các Tổng công ty, các công ty có năng lực và bề dày kinh nghiệm, với đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm, được đào tạo bài bản, một số cán bộ chủ chốt có bề dày kinh nghiệm 10-20 năm trong lĩnh vực Kinh doanh, Tư vấn quản lý dự án, Thẩm tra, Khảo sát địa hình – địa chất, Thiết kế, giámsát và Thi công các công trình xây dựng.

Với tiêu chí xây dựng một đơn vị tư vấn, thi công có tầm cỡ trong nước và trong khu vực, có hệ thống quản lý chất lượng chặt chẽ, có hệ thống nhân sự năng động và tinh nhuệ, có công nghệ sản xuất tiên tiến, sẵn sàng đáp ứng mọi nhu cầu cung cấp dịch vụ tư vấn, khảo sát thiết kế, thi công, **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội** đặc biệt quan tâm tới chính sách nhân sự và cơ chế đãi ngộ, thu hút nhân tài. **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội** cam kết sẽ luôn phấn đấu mang lại cho khách hàng một dịch vụ Tư vấn, Thi công có chất lượng cao, không những về kỹ thuật chuyên môn mà cả thể chế, chính sách trong lĩnh vực đầu tư xây dựng.

Trước xu hướng hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng như hiện nay, **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội** rất chú trọng tới việc tăng cường hợp tác với các đối tác nước ngoài nhằm trao đổi kinh nghiệm, liên kết đào tạo, chuyển giao công nghệ và phát triển thị trường.

Với thế mạnh của đội ngũ cán bộ nhiều kinh nghiệm, giàu sức sáng tạo, nhạy bén trong việc cập nhật, phát triển công nghệ và tiếp cận với thông lệ quốc tế, thị trường mục tiêu mà **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội** hướng tới là những công trình cấp cao và đặc biệt là những công trình có sự tham gia của các tổ chức nước ngoài. Đây chính là cơ hội để các kỹ sư của **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội** có điều kiện thuận lợi tiếp cận, tìm hiểu, học hỏi và tích luỹ để nâng cao khả năng chuyên môn, am hiểu thông lệ quốc tế và

phát huy được sức sáng tạo, niềm đam mê để từ đó có thể mang lại những sản phẩm có chất lượng cao cho xã hội.

Ngoài ra **Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội** còn mạnh dạn đầu tư vốn, trang thiết bị máy móc hiện đại và chuyên nghiệp trong quá trình điều hành thực hiện dự án.

THÔNG TIN CHUNG

TÊN CÔNG TY	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI
TÊN VIẾT TẮT	
NGÀY THÀNH LẬP	21 tháng 01 năm 2019
VỐN ĐIỀU LỆ	VND 6,000,000,000
TRỤ SỞ CHÍNH	Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, xã Quốc Oai, TP Hà Nội Tel: (84-4)66.756.558 ; 0984049115 Fax: (84-4) 66.756.558
EMAIL	tuvanxaydungnamduong@gmail.com
Website	www.xaydungkiemdinhndhn.com

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0108595553

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 01 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 26 tháng 06 năm 2019

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0979422691* Fax:

Email: Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 600.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CAO VĂN TOÀN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *26/07/1984* Dân tộc: *Kinh* Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: *030084002887*

Ngày cấp: *21/06/2016* Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

KT. TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 06 năm 2019

Số:
376106/19

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hà Nội*
Địa chỉ trụ sở: *Nhà B10A - Khu Đô thị Nam Trung Yên, đường Nguyễn Chánh, Phường Trung Hoà, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Điện thoại: *024.62820834 - 04.62820835* Fax: *04.38251733*
Email: *pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn* Website: *www.hapi.gov.vn*

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0108595553

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
2	Phá dỡ	4311
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Chuẩn bị mặt bằng	4312
5	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8	Bốc xếp hàng hóa	5224
9	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10	Khai thác quặng sắt	0710
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390

STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước,hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí.	4329
14	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15	Cho thuê xe có động cơ	7710
16	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
18	Xây dựng nhà để ở	4101
19	Xây dựng nhà không để ở	4102
20	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
22	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
23	Xây dựng công trình điện	4221
24	Xây dựng công trình thủy	4291
25	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
26	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
27	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
28	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
29	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
30	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
32	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730

STT	Tên ngành	Mã ngành
33	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Quản lý dự án các công trình xây dựng; - Lập báo cáo đầu tư và dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, đường đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và mạng lưới giao thông nội bộ khu công nghiệp. - Thiết kế các công trình giao thông: cầu (kể cả các cầu lớn đặc biệt), hầm, đường sắt, đường bộ, đường đô thị, và cảng-đường thủy. - Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, đường giao thông nội bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp. - Thiết kế hệ thống chiếu sáng các công trình giao thông, công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống tín hiệu giao thông. - Thẩm tra các hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; thẩm tra các hồ sơ thiết kế các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, đường đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và đường nội bộ khu công nghiệp. - Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư và dự toán xây dựng công trình; đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng công trình; lập và xác định giá các gói thầu. - Lập và thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược và chi tiết. - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Thi công xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu - Khảo sát hiện trạng công trình, Khát sát địa chất thủy văn, Khảo sát địa chất công trình, Khảo sát địa hình - Kiểm định xây dựng	7110(Chính)
34	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
35	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
36	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120

STT	Tên ngành	Mã ngành
38	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
39	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
40	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
41	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)	4610
42	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
43	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
44	Bán buôn đồ uống	4633
45	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
47	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
48	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4511
49	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
50	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4543
51	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác	4520
53	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4530
54	Khai thác và thu gom than cứng	0510
55	Dịch vụ liên quan đến in	1812
56	Sao chép bản ghi các loại	1820
57	Quảng cáo (trừ loại Nhà nước cấm)	7310
58	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
59	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161
60	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
61	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
62	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
63	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
64	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131

STT	Tên ngành	Mã ngành
65	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm	0129
66	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh	4773

Thông tin đăng kí thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): CAO VĂN TOÀN Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: TRẦN THỊ QUẾ Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: *Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam* Điện thoại: Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: *Hạch toán độc lập*
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày *1/1* đến ngày *31/12*
6	Tổng số lao động: *9*
7	Phương pháp tính thuế GTGT: *Khấu trừ*
8	Thông tin về tài khoản ngân hàng: Tài khoản ngân hàng: *Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam – CN Từ Liêm 21710000442364;*

Nơi nhận:
-CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI. Địa chỉ:Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Phạm Ngọc Quý.....

KT TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Đỗ Thanh Huyền

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN

Mã số doanh nghiệp: 0108595553

Đăng ký lần đầu: ngày 21 tháng 01 năm 2019

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 24 tháng 01 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: *0979422691* Fax:

Email: *tuvanxaydungnamduong@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ: 6.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 600.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: CAO VĂN TOÀN Giới tính: *Nam*

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: *26/07/1984* Dân tộc: *Kinh* *Quốc tịch: Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Căn cước*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *030084002887*

Ngày cấp: *06/08/2024* Nơi cấp: *Bộ Công an*

Địa chỉ thường trú: *Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ THÀNH PHỐ HÀ NỘI

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Quang Hưng

SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 02 năm 2025

Số: 51910/25

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: *Thành phố Hà Nội*
Địa chỉ trụ sở: *Khu liên cơ Vân Hồ - 52 Lê Đại Hành, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*
Điện thoại: *024.37347512* Fax:
Email: *pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn* Website: *www.hapi.gov.vn*

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0108595553

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
2	Phá dỡ	4311
3	Lắp đặt hệ thống điện	4321
4	Chuẩn bị mặt bằng	4312
5	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)	4931
6	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
7	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
8	Bốc xếp hàng hóa	5224
9	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
10	Khai thác quặng sắt	0710
11	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh	8299
12	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác Chi tiết: - Các công việc dưới bề mặt; - Xây dựng bể bơi ngoài trời; - Rửa bằng hơi nước, nổ cát và các hoạt động tương tự cho bề ngoài toà nhà; - Thuê cần trục có người điều khiển	4390

STT	Tên ngành	Mã ngành
13	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác Chi tiết: - Lắp đặt hệ thống thiết bị khác không thuộc về điện, hệ thống ống tưới nước,hệ thống lò sưởi và điều hoà nhiệt độ hoặc máy móc công nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng kỹ thuật dân dụng; - Lắp đặt hệ thống thiết bị nghiệp trong ngành xây dựng và xây dựng dân dụng như : + Thang máy, cầu thang tự động, + Các loại cửa tự động, + Hệ thống đèn chiếu sáng, + Hệ thống hút bụi, + Hệ thống âm thanh, + Hệ thống thiết bị dùng cho vui chơi giải trí; - Lắp đặt, thi công hệ thống phòng cháy và chữa cháy	4329
14	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
15	Cho thuê xe có động cơ	7710
16	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Vận tải hàng khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
17	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
18	Xây dựng nhà để ở	4101
19	Xây dựng nhà không để ở	4102
20	Xây dựng công trình đường bộ	4212
21	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
22	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
23	Xây dựng công trình điện	4221
24	Xây dựng công trình thủy	4291
25	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
26	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
27	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
28	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
29	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng Chi tiết: Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến; Bán buôn xi măng; Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn kính xây dựng; Bán buôn sơn, véc ni; Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh; Bán buôn đồ ngũ kim;	4663
30	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
31	Vệ sinh công nghiệp và các công trình chuyên biệt	8129
32	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng không kèm người điều khiển; Cho thuê máy móc, thiết bị văn phòng (kể cả máy vi tính) không kèm người điều khiển	7730

STT	Tên ngành	Mã ngành
33	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: - Thiết kế kỹ thuật và dịch vụ tư vấn cho các dự án liên quan đến kỹ thuật dân dụng, kỹ thuật đường ống, kiến trúc giao thông; - Dịch vụ tư vấn kiến trúc gồm: thiết kế và phác thảo công trình; lập kế hoạch phát triển đô thị và kiến trúc cảnh quan; - Quản lý dự án các công trình xây dựng; - Lập báo cáo đầu tư và dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, đường đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và mạng lưới giao thông nội bộ khu công nghiệp. - Thiết kế các công trình giao thông: cầu (kể cả các cầu lớn đặc biệt), hầm, đường sắt, đường bộ, đường đô thị, và cảng-đường thủy. - Thiết kế các công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị, đường giao thông nội bộ và công trình hạ tầng kỹ thuật trong khu công nghiệp. - Thiết kế hệ thống chiếu sáng các công trình giao thông, công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế hệ thống tín hiệu giao thông. - Thẩm tra các hồ sơ báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; thẩm tra các hồ sơ thiết kế các công trình giao thông đường sắt, đường bộ, đường đô thị, công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị và đường nội bộ khu công nghiệp. - Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư và dự toán xây dựng công trình; đánh giá hiệu quả đầu tư xây dựng công trình; lập và xác định giá các gói thầu. - Lập và thẩm tra báo cáo đánh giá tác động môi trường chiến lược và chi tiết. - Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng - Tư vấn giám sát thi công xây dựng công trình, kiểm định xây dựng - Thi công xây dựng công trình - Lập, thẩm tra dự án đầu tư xây dựng - Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình - Lập thiết kế quy hoạch xây dựng - Tư vấn lập hồ sơ mời thầu, tư vấn đánh giá hồ sơ dự thầu - Khảo sát hiện trạng công trình, Khát sát địa chất thủy văn, Khảo sát địa chất công trình, Khảo sát địa hình - Thí nghiệm nén tĩnh cọc - Quan trắc biến dạng công trình - Kiểm định xây dựng - Tư vấn chuyển giao công nghệ phòng cháy và chữa cháy; huấn luyện, hướng dẫn về nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy - Tư vấn thiết kế, thẩm định, tư vấn giám sát về phòng cháy chữa cháy; - Tư vấn kiểm tra, kiểm định kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy	7110(Chính)

STT	Tên ngành	Mã ngành
34	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư	6619
35	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
36	Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Dịch vụ chuyển giao công nghệ	7490
37	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
38	Sản xuất các cấu kiện kim loại	2511
39	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
40	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
41	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ đấu giá hàng hóa)	4610
42	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại Nhà nước cấm)	4620
43	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631
44	Bán buôn đồ uống	4633
45	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Bán buôn phụ liệu may mặc và giày dép; Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại, phi kim loại; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp); Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp; Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; Bán buôn cao su; Bán buôn tơ, xơ, sợi dệt; Bán buôn chuyên doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu	4669
47	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
48	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4511
49	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
50	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4543
51	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
52	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác Chi tiết: Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa ô tô; Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa xe có động cơ khác	4520
53	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá hàng hóa)	4530
54	Khai thác và thu gom than cứng	0510
55	Dịch vụ liên quan đến in	1812
56	Sao chép bản ghi các loại	1820
57	Quảng cáo (trừ loại Nhà nước cấm)	7310
58	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
59	Hoạt động dịch vụ trồng trọt	0161

STT	Tên ngành	Mã ngành
60	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163
61	Xử lý hạt giống để nhân giống	0164
62	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
63	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
64	Nhân và chăm sóc cây giống hàng năm	0131
65	Trồng cây lâu năm khác Chi tiết: Trồng cây cảnh lâu năm	0129
66	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh, hạt giống, phân bón, động vật cảnh và thức ăn cho động vật cảnh	4773
67	Xây dựng công trình đường sắt	4211
68	Sản xuất sợi	1311
69	Sản xuất vải dệt thoi	1312
70	Xây dựng công trình công ích khác	4229
71	Hoàn thiện sản phẩm dệt	1313
72	Sản xuất hàng dệt sẵn (trừ trang phục)	1392
73	Sản xuất thảm, chăn, đệm	1393
74	Sản xuất các loại dây bện và lưới	1394
75	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512
76	Sản xuất các loại hàng dệt khác chưa được phân vào đâu	1399
77	May trang phục (trừ trang phục từ da lông thú)	1410
78	Sản xuất giày, dép	1520
79	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
80	Sản xuất sản phẩm từ da lông thú	1420
81	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
82	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
83	Sản xuất trang phục dệt kim, đan móc	1430
84	Sản xuất giấy nhăn, bìa nhăn, bao bì từ giấy và bìa	1702
85	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
86	In ấn (Không bao gồm: Hoạt động của nhà xuất bản)	1811
87	Thuộc, sơ chế da; sơ chế và nhuộm da lông thú	1511
88	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện	1629
89	Sản xuất thuỷ tinh và sản phẩm từ thuỷ tinh	2310
90	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
91	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
92	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
93	Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại	2512
94	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
95	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
96	Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm)	2513
97	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
98	Đúc sắt, thép	2431

STT	Tên ngành	Mã ngành
99	Đúc kim loại màu không bao gồm sản xuất vàng miếng	2432
100	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
101	Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển	2651
102	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu	2599
103	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
104	Sản xuất đồng hồ	2652
105	Sản xuất thiết bị bức xạ, thiết bị điện tử trong y học, điện liệu pháp	2660
106	Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính	2620
107	Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học	2670
108	Sản xuất pin và ắc quy	2720
109	Sản xuất thiết bị truyền thông	2630
110	Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học	2731
111	Sản xuất băng, đĩa từ tính và quang học	2680
112	Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác	2732
113	Sản xuất đồ điện dân dụng	2750
114	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
115	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
116	Sản xuất động cơ, tua bin (trừ động cơ máy bay, ô tô, mô tô và xe máy)	2811
117	Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại	2733
118	Sản xuất thiết bị sử dụng năng lượng chiết lưu	2812
119	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện	2710
120	Sản xuất máy bơm, máy nén, vòi và van khác	2813
121	Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng	2740
122	Sản xuất bi, bánh răng, hộp số, các bộ phận điều khiển và truyền chuyển động	2814
123	Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung	2815
124	Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp	2816
125	Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính)	2817
126	Sản xuất dụng cụ cầm tay chạy bằng mô tơ hoặc khí nén	2818
127	Sản xuất máy thông dụng khác	2819
128	Sản xuất máy nông nghiệp và lâm nghiệp	2821
129	Sản xuất máy công cụ và máy tạo hình kim loại	2822
130	Sản xuất máy luyện kim	2823
131	Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng	2824
132	Sản xuất máy cho ngành dệt, may và da	2826
133	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
134	Sản xuất ô tô và xe có động cơ khác	2910
135	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
136	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

STT	Tên ngành	Mã ngành
137	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
138	Sản xuất xe đạp và xe cho người khuyết tật	3092
139	Sản xuất phương tiện và thiết bị vận tải khác chưa được phân vào đâu	3099
140	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
141	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
142	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
143	Sản xuất nhạc cụ	3220
144	Sản xuất dụng cụ thể dục, thể thao	3230
145	Sản xuất đồ chơi, trò chơi	3240
146	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp phương tiện, thiết bị phòng cháy và chữa cháy	3290
147	Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn	3311
148	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
149	Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học	3313
150	Sửa chữa thiết bị điện	3314
151	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
152	Sửa chữa thiết bị khác	3319
153	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép (Trừ hoạt động đấu giá)	4641
154	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh - Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh - Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện - Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự - Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm - Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao - Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình chưa được phân vào đâu	4649
155	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm (Trừ hoạt động đấu giá)	4651
156	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông (Trừ hoạt động đấu giá)	4652
157	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
158	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng; Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện); Kinh doanh phương tiện, thiết bị, vật tư phòng cháy và chữa cháy	4659
159	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4711
160	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
161	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
162	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742

STT	Tên ngành	Mã ngành
163	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
164	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
165	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
166	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724
167	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
168	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
169	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
170	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
171	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
172	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
173	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
174	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
175	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
176	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
177	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ đấu giá)	4774
178	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc lào lưu động hoặc tại chợ	4781
179	Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ	4782
180	Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ	4783
181	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ (Trừ hoạt động đấu giá)	4784
182	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
183	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (trừ đấu giá)	4799
184	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
185	Dịch vụ ăn uống khác (Trừ hoạt động bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5629
186	Dịch vụ phục vụ đồ uống (Trừ hoạt động bar và quán giải khát có khiêu vũ)	5630
187	Lập trình máy vi tính	6201
188	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính (Trừ kinh doanh đại lý cung cấp dịch vụ internet)	6202

STT	Tên ngành	Mã ngành
189	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ môi giới bất động sản, quản lý bất động sản, tư vấn bất động sản	6820
190	Cho thuê băng, đĩa video	7722
191	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	6209
192	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
193	Đại lý du lịch	7911
194	Cho thuê thiết bị thể thao, vui chơi giải trí	7721
195	Điều hành tua du lịch	7912
196	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
197	Dịch vụ hỗ trợ tổng hợp	8110
198	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
199	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
200	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (Trừ tổ chức họp báo)	8230
201	Dịch vụ đóng gói (Trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật)	8292
202	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
203	Sửa chữa thiết bị liên lạc	9512
204	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng	9521
205	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
206	Sửa chữa giày, dép, hàng da và giả da	9523
207	Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự	9524
208	Sửa chữa xe đạp, đồng hồ, đồ dùng cá nhân và gia đình khác chưa được phân vào đâu	9529
209	Hoạt động làm thuê công việc gia đình trong các hộ gia đình	9700
210	Hoạt động sản xuất các sản phẩm vật chất tự tiêu dùng của hộ gia đình	9810
211	Hoạt động sản xuất các sản phẩm dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	9820

Nơi nhận:
-CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI. Địa chỉ:Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
-.....;
- Lưu: Nguyễn Bích Ngân.....

TRƯỞNG PHÒNG

PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG
Trần Quang Hưng

SỞ XÂY DỰNG
HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG
Số: HAP-00029469

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 851/QĐ-SXD ngày 23/08/2019)

Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: 0108595553.

Ngày cấp: 21/01/2019. Nơi cấp: Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Tên người đại diện theo pháp luật: Ông Cao Văn Toàn Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở chính: Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Quốc Oai, Thành phố Hà Nội.

Số điện thoại: 0979422691 Số fax:

E-mail: Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

1. Khảo sát địa chất công trình hạng III.

2. Thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình, bao gồm: thiết kế kiến trúc công trình; thiết kế kết cấu công trình dân dụng; thiết kế cơ - điện công trình; thiết kế cấp - thoát nước công trình; thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn) hạng III.

3. Giám sát thi công xây dựng công trình: dân dụng; hạ tầng kỹ thuật (trừ công trình xử lý chất thải rắn) hạng III.

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 23/08/2029.

Hải Phòng, ngày 23 tháng 08 năm 2019
KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HOÀ X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

Vũ Hữu Thành

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00029469

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1282/QĐ-SXD ngày 14/10/2020 của Sở Xây dự

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: **0108595553**

Đăng ký lần đầu: **21/01/2019** Nơi cấp: **Sở kế hoạch đầu tư Thành phố Hà N**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): **Cao Văn Toàn** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: **Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, xã Sài Sơn, huyện Quốc C phố Hà Nội, Việt Nam.**

Số điện thoại: **0979 422 691** Số fax:

Email: Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)

Khảo sát địa chất/Hạng III
Khảo sát địa hình/Hạng III
Thi công/Dân dụng/Hạng III
Thi công/Thuỷ lợi/Hạng III
Thi công/Giao thông (Cầu, đường bộ)/Hạng III
Giám sát/Giao thông (Cầu, đường bộ)/Hạng III
Thi công/Hạ tầng kỹ thuật/Hạng III

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 14/10/2030

Hà Nội, ngày 16 tháng 10

KT.GIÁM ĐỐC

SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VI
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHỨNG CHỈ
NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Số: HAN-00029469

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1645/QĐ-SXD ngày 18/11/2020 của Sở Xây dự

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG**

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/ Quyết định thành lập số: **0108595553**

Đăng ký lần đầu: **21/01/2019** Nơi cấp: **Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố H**

Tên người đại diện theo pháp luật:

Ông (Bà): **Cao Văn Toàn** Chức vụ: **Giám đốc**

Địa chỉ trụ sở chính: **Xóm Cát Lễ, thôn Năm Trại, Xã Sài Sơn, Huyện Thành phố Hà Nội, Việt Nam**

Số điện thoại: **0979422691** Số fax:

Email: Website:

Phạm vi hoạt động xây dựng:

- Lĩnh vực hoạt động: (Lĩnh vực/Loại công trình/Hạng)

Khảo sát địa chất/Hạng II

Chứng chỉ này có giá trị đến hết ngày: 18/11/2030

Hà Nội, ngày 20 tháng 11

Công bố lần: 1
Ngày 28 tháng 10 năm 2026

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

-----oo0oo-----

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.
-----***-----

Hà Nội, ngày 28 tháng 10 năm 2026

Số: 01.2810/2026/NDHN/QĐ-CBNL
Vv: Công bố năng lực đủ điều kiện hoạt động thí Nghiệm chuyên ngành xây dựng

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ NĂNG LỰC ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG THÍ NGHIỆM CHUYÊN NGÀNH XÂY DỰNG

Kính gửi: **Sở xây dựng thành phố Hà Nội**

- Căn cứ Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

- Căn cứ Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng;

- Thực hiện Công văn số 5794/SXD-GĐCL ngày 20/3/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội về việc triển khai, phổ biến Quy định về thí nghiệm chuyên ngành xây dựng;

- Căn cứ năng lực thiết bị, năng lực nhân sự của Công ty.

- Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội công bố công khai thông tin về năng lực hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng:

1. Thông tin Tên tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Tên tổ chức hoạt động: Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội.

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Mã số doanh nghiệp: 0108595553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 21 tháng 01 năm 2019, thay đổi lần thứ 2 ngày 19 tháng năm 2023, thay đổi lần thứ 3 ngày 24 tháng 1 năm 2025

- Địa chỉ: Xóm Cát Lễ, Thôn Năm Trại, Xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Đại diện pháp luật: **Cao Văn Toàn** Giám đốc
- Điện thoại: 0942 468 648 – 0984 049 115 Email: tuvanxaydungnamduong@gmail.com
- Mã số thuế: 0108595553 Website: www.xaydungkiemdinhndhn.com

Tên phòng thí nghiệm: Trung tâm thí nghiệm và kiểm định chất lượng công trình.

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Xóm Cát Lễ, Thôn Năm Trại, Xã Quốc Oai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 0942 468 648 – 0984 049 115
- Email: tuvanxaydungnamduong@gmail.com
- Website: www.xaydungkiemdinhndhn.com
- Trưởng phòng thí nghiệm: **Trương Thành Quyết** – Kỹ sư kinh tế xây dựng.
- Địa chỉ đặt trạm thí nghiệm hiện trường:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

2. Thông tin về năng lực của tổ chức hoạt động thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

Danh mục chỉ tiêu thí nghiệm và tiêu chuẩn áp dụng:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

Danh mục thiết bị thí nghiệm chính:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

Danh sách thí nghiệm viên thực hiện các chỉ tiêu thí nghiệm:"Danh mục kèm theo Quyết định này"

Quyết định này được công bố công khai tại Website: www.xaydungkiendinhndhn.com

Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính đầy đủ, chính xác của thông tin đã công bố.

Nơi nhận:
-Website: www.xaydungkiemdinhndhn.com
- SXD Thành phố Hà Nội
- Lưu văn phòng Công ty

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Cao Văn Toàn

DANH MỤC CHỈ TIÊU THÍ NGHIỆM VÀ TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

(Kèm theo Quyết định số Số: 01.2810/2026/NDHN/QĐ-CBNL ngày 28 tháng 10 năm 2026 của Công ty Cổ phần tư vấn xây dựng Nam Dương Hà Nội)

TT	Tên phép thử	Tiêu chuẩn kỹ thuật
I	**PHÉP THỬ CƠ LÝ XI MĂNG, PHỤ GIA KHOÁNG, CHẤT KẾT DÍNH**	
1	Độ mịn, khối lượng riêng	TCVN 13605:2023 ASTM C430 ASTM C188 ASTM C204 AASHTO T153 ASHTO T192
2	Xác định cường độ uốn , nén theo phương pháp nhanh	TCVN 6016:2011 TCVN 7569:2022 TCVN 9488:2012 ASTM C109/109M
3	Xác định độ dẻo tiêu chuẩn và thời gian ninh kết, ổn định thể tích	TCVN 6017:2015 ASTM C187 ASTM C191 AASHTO T131 TCVN 9488:2012
4	Hàm lượng mất khi nung, cặn không tan,SO3	TCVN 6067:2018 TCVN 141:2023 TCVN 6820:2015
II	**BỘT BẢ**	
5	Độ mịn, thời gian đông kết, độ giữ nước, độ cứng bề mặt, cường độ bám dính	TCVN 7239:2014
III	**HỖN HỢP BÊ TÔNG VÀ BÊ TÔNG NẶNG**	
6	Xác định độ sụt của hỗn hợp bê tông.	TCVN 3106:2022 ASTM C143/C143M AASHTO T119 EN 12350-2
7	Xác định khối lượng thể tích hỗn hợp bê tông	TCVN 3108 :1993, ASTM C138/C138M AASHTO T121 EN 12350-6
8	Xác định khối lượng riêng và độ rỗng	TCVN 3112:2022 ASTM C642 ASTM C127
9	Xác định độ hút nước	TCVN 3113:2022 ASTM C642 EN 12390-7

		BS 1881-Part 122
10	Xác định độ mài mòn	TCVN 3114:2022 ASTM C131
11	Xác định khối lượng thể tích	TCVN 3115:2022 ASTM C138
12	Xác định độ chống thấm nước	TCVN 3116:2022ASTM C403/403MASTM C1585EN 12390-8TCVN 8219:2009ASTM C1585BS EN 12390-8
13	Xác định giới hạn bền khi nén	TCVN 3118:2022 ASTM C39/C39M AASHTO T22M/T22 EN 12390-3
14	Xác định giới hạn bền kéo khi uốn	TCVN 3119 : 2022; ASTM C293/ C293M
15	Xác định giới hạn bền kéo dọc trục khi bửa	TCVN 3120:2022 ASTM C496/C496M AASHTO T198 TCVN 8862:2011
16	Xác định thời gian đông kết của hỗn hợp bê tông Xác định tỷ lệ hập thụ nước của bê tông xi măng	TCVN 9338:2012, ASTM C403/C403M AASHTO T197M/T197 ASTM C1585
17	Xác định cường độ kéo nhổ bê tông	TCVN 9490:2012, ASTM C900
18	Xác định độ pH trong bê tông và vữa	TCVN 9339:2012
IV	**THỬ CỐT LIỆU BÊ TÔNG VÀ VỮA, VẬT LIỆU ĐÁ DĂM**	
19	Thành phần cỡ hạt, hàm lượng hạt, Xác định khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ hút nước,của cốt liệu nhỏ, cốt liệu lớn và đá gốc Xác định độ ẩm Xác định hàm lượng bụi, bùn, sét trong cốt liệu và hàm lượng sét cục, hạt sét trong cốt liệu nhỏ. Xác định hàm lượng tạp chất hữu cơ. Xác định cường độ và hệ số hóa mềm của đá gốc. Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn. Xác định độ nén dập trong xi lanh và hệ số hoá mềm của cốt liệu lớn. Xác định độ mài mòn khi va đập của cốt liệu lớn trong máy (Log Angeles). Xác định hàm lượng hạt thoi, dẹt trong cốt liệu lớn. Xác định khả năng phản ứng kiềm - silic.	TCVN 7572-02:2006, TCVN 6221:1997 TCVN 9205:2012 TCVN 7572-04:2006 TCVN 7572-05:2006 TCVN 7572-06:2006 TCVN 7572-07:2006 TCVN 7572-08:2006 TCVN 7572-09:2006 TCVN 7572-10:2006 TCVN 7572-11:2006 TCVN 7572-12:2006 TCVN 7572-13:2006 TCVN 7572-14:2006 TCVN 7572-15:2006 TCVN 7572-16:2006

	Xác định hàm lượng sulfat và sulfit trong cốt liệu nhỏ. Xác định hàm lượng hạt mềm yếu, phong hóa. Xác định hàm lượng hạt bị đập vỡ, độ góc cạnh. Xác định hệ số (ES) Xác định độ ẩm, độ hút nước, khối lượng thể tích của đá	TCVN 7572-17:2006 TCVN 7572-18:2006 TCVN 7572-20:2006 ASTM D2419 AASHTO T176 TCVN 10321:2014, TCVN 10322:2014
V	**THỬ NGHIỆM HỖN HỢP VỮA**	
20	Xác định, kích thước hạt cốt liệu lớn nhất. Xác định độ lưu động của vữa tươi. Xác định khối lượng thể tích của vữa tươi. Xác định khả năng giữ độ lưu động. cường độ nén, chiều cao cột vữa, thay đổi chiều dài vữa đóng rắn. Xác định thời gian bắt đầu đông kết. Xác định khối lượng thể tích của vữa đông rắn. Xác định cường độ uốn và nén của vữa đã đóng rắn Xác định độ bám dính của vữa đóng rắn trên nền Vữa gốc Polyme: Cường độ kéo nén, bám dính, thơi gian đóng rắn, độ co dài, hấp thụ nước, bền hóa. Xác định độ hút nước của vữa đã đông rắn	TCVN 3121-01:2022 TCVN 3121-3:2022; ASTM C1437, C939 TCVN 3121-6:2022 TCVN 3121-8:2022 TCVN 3121-9:2022; ASTM C807 ASTM C403 ASTM C953 TCVN 3121-10:2022 TCVN 3121-11:2022, ASTM C109/C109M TCVN 3121-12:2022, TCVN 9349:2012 TCVN 9080:2012 TCVN 3121-18:2022 TCVN 3121-2022
21	Xác định độ co khô, độ nở hãm của vữa Vữa dùng cho bê tông nhẹ: Xác định kích thước hạt, độ lưu động, khả năng giữ nước lưu động, thời gian đông kết,cường độ nén, bám dính, hút nước	TCVN 8824:2011, TCVN 8874:2012, ASTM C940 TCVN 9028:2011
22	Vữa bê tông chịu a xít: Xác định cỡ hạt, thời gian công tác, độ bám dính vữa đóng rắn, độ hút nước, cường độ chịu nén, độ co, bền a xít	TCVN 9034:2011
23	Vữa khô trộn sẵn: Xác định độ chảy, độ tách nước,	TCVN 9204:2012 ASTM C940 TCVN 11971:2018
24	Vữa keo chít mạnh và dán gạch: Độ bám dính, bền uốn, bền nén, mài mòn, thời gian mở, độ trượt, thấm nước hút nước, bền hóa, mài mòn	TCVN 7899:2008 BS EN 14891
VI	**PHÂN TÍCH NƯỚC CHO XÂY DỰNG**	
25	Xác định hàm lượng cặn không tan. Xác định độ PH. Xác định hàm lượng ion clorua (C1-). Xác định hàm lượng ion sunfat (SO_4^{--}). Xác định hàm lượng chất hữu cơ (Chỉ số Pemanganat)	TCVN 6625:2000, TCVN 4560:1988; TCVN 6492:2011, ASTM D1293. TCVN 6194:1996, TCVN 6200:1996

		ASTM D516-2022 TCVN 6186:1996
VII	**THỬ NGHIỆM PHỤ GIA XÂY DỰNG**	
26	Phụ gia hoá học cho Bê tông: Xác định lượng nước trộn tối đa, thời gian đông kết, cường độ nén, cường độ uốn, so với mẫu đối chứng, độ co ngót cứng, Độ PH, Hàm lượng chất khô, khối lượng riêng. Phụ gia khoáng hoạt tính cao dùng cho bê tông và vữa: Xác định độ ẩm, lượng nước trộn yêu cầu Phụ gia hoạt tính tro bay dùng cho bê tông: xác định độ ẩm Độ ẩm; Lượng sót sàng 45mm; Lượng nước yêu cầu so với mẫu đối chứng; Hàm lượng mất khi nung.	TCVN 8826:2011 TCVN 8827:2011 TCVN 8262:2009, TCVN 10302:2014
27	Phụ gia khoáng cho xi măng: Xác định chỉ số hoạt tính cường độ	TCVN 6882:2016
VIII	**KIỂM TRA THÉP XÂY DỰNG, KIM LOẠI**	
28	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp bột từ (MT)	TCVN 4396:2018,
29	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp siêu âm (UT)	TCVN 6735:2018, TCVN 1548:87,
30	Kiểm tra mối hàn bằng phương pháp thẩm thấu	TCVN 4617-2: 2018
31	Thử kéo Thử kéo dây kim loại Kiểm tra khuyết tật bu lông, vít, vít cấy, đai ốc: Thử kéo bu lông, Lực xiết Thí nghiệm cơ lý inox, tôn: thử kéo, uốn Ống kim loại: Thử kéo	TCVN 197-1:2014, TCVN 7937:2013, TCVN 13711-2:2023, ASTM A1061/1061MASTM A370 JIS Z2241 TCVN 8310:2010 TCVN 8311:2010 TCVN 5401:2010 TCVN 1824:1993 TCVN 1916:1995 TCVN 197:2014 TCVN 4795:1989 TCVN 4796:1989 TCVN8298:2009 ASTM F606 TCVN 197-1:2014 ASTM A53 ASTM E8 TCVN 198:2008
32	Thử uốn, uốn lại	TCVN 198:2008, ASTM A370 TCVN 6287:1997 TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010, TCVN 5401:2010,

33	Thử kéo ngang để phá hủy mối hàn trên vật liệu kim loại Thử kéo dọc kim loại mối hàn trên mối hàn nóng chảy Thử phá hủy mối hàn vật liệu kim loại - Thử uốn	TCVN 8310:2010, TCVN 8311:2010, TCVN 5401:2010,
34	Thử độ cứng kim loại	TCVN 256:2006, TCVN 257:2007, TCVN 258:2007, ASTM E384 ASTM E18
35	Xác định chiều dày, khối lượng lớp mạ, lớp phủ	TCVN 5408:2007, TCVN 5878:2007,
36	Khe co dãn cao su : Xác định kích thước, chiều dày, thử kéo, độ cứng shore A	ASTM D 3542, ASTM D 412 ASTM D 2240
37	Thí nghiệm cơ ly nhôm: thử kéo, uốn	TCVN 197-1:2014, TCVN 198:2008 TCVN 12513:2014,
38	Ống kim loại: Thử nén bẹp, thử uốn nguyên ống	TCVN 1830:2008, ASTM D1621, ASTM A53, ASTM A370
39	Ống kim loại: Thử áp lực ống	TCVN 2942:1993 TCVN 7972:2008 TCVN 1832:2008
40	Thang máng cáp: Kiểm tra kích thước hình học và thử tải	TCVN10688:2015
41	Nắp hố ga, song chắn rác: Kích thước hình học, Thử tải	TCVN 10333:2014, BS EN 124
IX	**THỬ NGHIỆM CƠ LÝ ĐẤT, CÁT ĐẮP, CẤP PHỐI ĐÁ DĂM, SỎI, VẬT LIỆU DẠNG HẠT**	
42	Xác định khối lượng riêng	TCVN 4195:2012 ASTM D854 AASHTO T100 TCVN 7572:2026
43	Xác định độ ẩm và độ hút ẩm	TCVN 4196:2012; ASTM D2216 AASHTO T265
44	Xác định giới hạn dẻo và giới hạn chảy của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 4197:2012; ASTM D4318 AASHTO T89 AASHTO T90
45	Xác định thành phần hạt của đất xây dựng trong phòng thí nghiệm	TCVN 14135-5:2024, TCVN 14134-3:2024, TCVN 4198:2014; AASHTO T88
46	Phương pháp xác định độ chặt tiêu chuẩn trong phòng thí	TCVN 4201:2012,

	nghiệm, Đầm nén Proctor	TCVN 12790:2020; AASHTO T99 AASHTO T180
47	Xác định khối lượng thể tích của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 4202:2012; ASTM D7263
48	Xác định tỷ số CBR trong phòng thí nghiệm	TCVN 12792:2020; AASHTO T193
49	Xác định hệ số thấm của đất trong phòng thí nghiệm	TCVN 8723:2012; ASTM D2434
50	Xác định nén 1 trục nở hông	TCVN 9438:2012;ASTM D2166-2016
51	Đá xây dựng - Xác định độ bền nén 1 trục trong phòng thí nghiệm Cọc xi măng đất: xác định sức kháng nén mẫu cọc xi măng đất	TCVN 10324:2014 TCVN 9403:2012 ASTM D2166
52	Xác định hàm lượng hữu cơ của đất	TCVN 8726:2012 AASHTO T267 ASTM D2974
53	Xác định khối lượng thể tích khô lớn nhất và nhỏ nhất của đất rời. Xác định đặc trưng co ngót của đất. Xác định đương lượng cát. Xác định đặc trưng trương nở của đất, tan rã. Xác định cường độ kéo khi ép chẻ của vật liệu hạt liên kết bằng chất kết dính	TCVN 8862:2011
X	**BÊ TÔNG NHỰA**	
54	Xác định độ ổn định, độ dẻo Marshall của bê tông nhựa	TCVN 8860-1:2011; ASTM D6927 AASHTO T245
55	Xác định hàm lượng nhựa bằng phương pháp chiết sử dụng máy quay ly tâm của bê tông nhựa	TCVN 8860-2:2011; AASHTO T164 ASTM D2172
56	Xác định thành phần hạt của bê tông nhựa	TCVN 8860-3:2011;- AASHTO T27 ASTM C136/C136M
57	Xác định tỷ trọng lớn nhất, khối lượng riêng của bê tông nhựa ở trạng thái rời	TCVN 8860- 4:2011;AASTHO T209
58	Xác định tỷ trọng khối, khối lượng thể tích của bê tông nhựa đã đầm nén	TCVN 8860-5:2011; ASTM D2726 AASTHO T166 AASTHO T176
59	Xác định độ chảy nhựa của bê tông nhựa Xác định độ góc cạnh của cát Xác định hệ số độ chặt lu lèn của bê tông nhựa Xác định độ rỗng cốt liệu của bê tông nhựa. Xác định đô rỗng lấp đầy nhựa của bê tông nhựa.	TCVN 8860-6:2011; ASTM 6390 AASTHO T305 TCVN 8860-7:2011 TCVN 8860-8:2011

	Xác định độ ổn định còn lại của bê tông nhựa. Xác định sức kháng trượt (xác định bằng con lắc Anh)	TCVN 8860-9:2011; TCVN 8860-10:2011 TCVN 8860-11:2011 TCVN 8860-12:2011 TCVN 10271:2014
60	Xác định khả năng mẫu kháng ẩm của mẫu đã đầm chặt	TCVN 12914:2020
XV	**THỬ NGHIỆM TẠI HIỆN TRƯỜNG**	
61	Xác định độ chặt của đất tai hiện trường bằng phương pháp dao đai	TCVN 12791:2020, ASTM D2937
62	Phương pháp xác định độ chặt của đất sau đầm nén tại hiện trường	TCVN 8730:2012; AASHTOT191
63	Xác định modul đàn hồi nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
64	Xác định mô đun đàn hồi chung của áo đường bằng cần Benkelman	TCVN 8867:2011 ASTM D4729
65	Xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm ép phẳng	TCVN 9354 : 2012; ASTM D4395
66	Xác định độ bằng phẳng của mặt đường bằng thước 3m	TCVN 8864:2011;
67	Xác định độ nhám mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011;
68	Phương pháp không phá hủy sử dụng máy siêu âm kiển tra chất lượng bê tông và súng bật nẩy kiểm tra cường độ bê tông Phương pháp xác định độ ẩm của đất tại hiện trường	TCVN 13537:2022 TCVN 9334: 2012 TCVN 8728:2012
69	Cột điện BTCT ly tâm: Xác định kích thước, ngoại quan, khả năng chị tải. Cọc bê tông dự ứng lực trước: Xác định kích thước, ngoại quan, độ bền thật, mối nối, độ bền cắt.	TCVN 5847:2016 TCVN 7888:2014
70	Đo điện trở đất	TCVN 9385:2012 TCVN 9358:2012
71	Xác định cường độ kéo nhổ bê tông, bulong, thép khoan cấy, kéo cụm liên kết Xác định độ bám dính nền lớp mặt phủ kết cấu	TCVN 9490:2012 ASTM E1512, ASTM D4435 TCVN 9349:2012 TCVN 9491:2012
72	Phương pháp thí nghiệm gia tải để đánh giá độ bền, độ cứng và khả năng chống nứt	TCVN 9347:2012
73	Đánh giá độ bền của các bộ phận kết cấu chịu uốn trên công trình bằng pp thí nghiệm chất tải tĩnh	TCVN 9344 : 2012
74	PP điện từ xác định chiều dày lớp bê tông bảo vệ, vị trí và đường kính cốt thép trong bê tông Kiểm tra khuyết tật cọc bằng phương pháp biến động nhỏ (PIT) Kiểm tra khuyết tật cọc bằng pp biến động lớn (PDA)	TCVN 9356:2012 TCVN 9397:2012, ASTM D5882 TCVN 11321:2016, ASTM D4945
75	Xác định kích thước, ngoại quan, cường độ bê tông Xác định cường độ bê tông hiện trường bằng phương pháp khoan mẫu	TCVN 5847:2016 TCVN 12252:2020, TCXDVN 239:2006

		ASTM C42/ C42M
76	Thí nghiệm tải trọng cọc, nén tĩnh cọc, tải trọng tĩnh ép dọc trục, đẩy ngang, kéo nhổ Xác định độ đồng nhất bê tông bằng phương pháp siêu âm Bê tông - Phương pháp siêu âm xác định cường độ chịu nén	TCVN 9393:2012, ASTM D3689 ASTM D1143 TCVN 9396:2012 TCVN 13536:2022
77	Thử nghiệm gối, đế cống, sản phẩm bó vỉa bê tông đúng sẵn: Xác định kích thước, ngoại quan, khả năng chịu tải	TCVN 10799:2015 TCVN 10797:2015
78	Thử nghiệm ống cống, cống hộp, cấu kiện bê tông cốt thép: Kiểm tra kích thước, độ vồng, khuyết tật ngoại quan, khả năng chịu lực, chịu tải, chống thấm.	TCVN 9113:2012 TCVN 9116:2012
XVI	**GẠCH XÂY**	
79	Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan của gạch xây Cường độ nén, uốn của gạch xây Độ hút nước , khối lượng thể tích của gạch xây Xác định độ rỗng của gạch xây Gạch chịu nhiệt: Kích thước, độ bền nén, khối lượng riêng, khối lượng thể tích, độ xốp, độ hút nước Xác định vết tróc do vôi, Xác định sự thoát muối	TCVN 6355-1:2009 TCVN 6355-2-3:2009 TCVN 6355-4-5:2009 TCVN 6355-6:2009 TCVN 6530:2016 TCVN 6355-7:2009 TCVN 6355-8:2009
XVII	**GẠCH BÊ TÔNG, BÊ TÔNG TỰ CHÈN, BÊ TÔNG NHẸ**	
80	Gạch bê tông: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ thấm nước, độ rỗng. Gạch bê tông tự chèn: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan; cường độ nén, độ hút nước, độ mài mòn. Sản phẩm bê tông nhẹ: Xác định kích thước, ngoại quan, cường độ nén, khối lượng thể tích, độ ẩm Gạch xi măng: Xác định kích thước, ngoại quan, độ hút nước, mài mòn, uốn, chịu lực va đập Gạch Granito: Xác định kích thước, ngoại quan, độ mài mòn, độ cứng Gạch Terazo: Xác định kích thước, khuyết tật, uốn, hút nước, mài mòn	TCVN 6477:2016 TCVN 6476:1999 TCVN 7959:2017 TCVN 9030:2017 TCVN 6065:1995, TCVN 6074:1995 TCVN 7744:2013
XVIII	**GẠCH, ĐÁ ỐP LÁT**	
81	Xác định kích thước và chất lượng bề mặt, khuyết tật ngoại quan Xác định độ hút nước,độ bền uốn, độ hút nước bề mặt gạch, khối lượng riêng, khối lượng thể tích.	TCVN 6415-2:2016 TCVN 6415-3-4:2016 TCVN 6415-6:2016 TCVN 6415-7:2016

	Xác định độ bền mài mòn sâu Xác định độ bền mài mòn bề mặt	
82	Đá ốp lát tự nhiên: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan, uốn, độ hút nước, độ mài mòn bề mặt, khối lượng thể tích Đá ốp lát nhân tạo: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan và chất lượng bề mặt, uốn, độ hút nước, độ mài mòn sâu, độ cứng bề mặt, độ bền chống bám bẩn	TCVN 4732:2016 TCVN 8057:2009
XIX	**NGÓI**	
83	Xác định tải trọng uốn gãy ngói, Xác định độ hút nước, Xác định thời gian xuyên nước, Xác định khối lượng 1m2 bão hòa nước Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan của ngói	TCVN 4313:2023 TCVN 1452: 2023 TCVN 7195:2002
XX	**THỬ NGHIỆM DÂY ĐIỆN, CÁP ĐIỆN, CÁP TÍN HIỆU**	
84	Kết cấu ruột dẫn, đường kính ruột dẫn, sợi số, chiều dày vỏ bọc, chiều dày cách điện, điện trở cách điện, điện trở ruột dẫn, điện trở khối trở kháng, suy hao, độ bền điện áp, thử kéo	TCVN 6610-2:2007 TCVN 6614-1-1:2008 TCVN5935:20:2013 TCVN 6612:2007 TCVN 6610-2:2007
XXI	**THỬ NGHIỆM DUNG DỊCH KHOAN (BENTONITE VÀ DUNG DỊCH BENTONITE POLYME)**	
85	Dung dịch Bentonite: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, hàm lượng cát, tỷ lệ chất keo, lượng mất nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định, lực cắt tĩnh Dung dịch Bentonite Polyme: Xác định khối lượng riêng, độ nhớt, tỷ lệ chất keo, lượng tách nước, độ dày áo sét, độ pH, tính ổn định	TCVN 11893:2017, TCVN 13068:2020
XXII	**GỖ, VÁN, THANH TẤM NHỰA, TẤM COMPOSITE, COMPACT, ALUMIUM**	
86	**Gỗ tự nhiên:** Xác định độ ẩm gỗ tự nhiên Xác định khối lượng riêng Xác định độ bền uốn tĩnh Xác định độ bền nén, kéo vuông góc với thớ Xác định độ bền kéo, cắt song song với thớ	 TCVN 13707-1:2023 TCVN 13707-2:2023 TCVN 13707-3:2023 TCVN 13707-5-7:2023 TCVN 13707-6-8:2023
	Gỗ nhân tạo	
87	Xác định kích thước tấm	TCVN11904:2017
88	Xác định độ bền bề mặt	TCVN 11906:2017
89	Xác định Khối lượng riêng	TCVN 5694: 2014
90	Xác định độ trương nở chiều dày sau khi ngâm trong nước	TCVN 12445:2018
91	Xác định độ bền uốn Xác định độ bền uốn sau khi ngâm trong nước ở nhiệt độ sôi	TCVN 12446:2018 TCVN 12444:2018
	Ván lát sàn :	

92	Xác định độ bền va đập Xác định độ trương nở Xác định độ bền bề mặt Xác định lực bám giữ đinh vít Xác định độ mài mòn ván lát sàn Xác định độ bền mối ghép nối	TCVN 11949:2018 TCVN 11950:2018 TCVN 11906:2017 TCVN 11907:2017 TCVN 11947:2018 TCVN 11952:2018
93	Thử độ bền trượt mạch keo	TCVN 8576:2010
94	Thử tách mạch keo	TCVN 8577:2010
XXIII	**THỬ NGHIỆM SƠN, VẬT LIỆU CHỐNG THẤM**	
95	Màu sắc Xác định độ mịn Xác định độ nhớt Xác định độ chảy Xác định độ phủ Xác định chiều dày màng sơn Xác định độ dày màng sơn khô Xác định thời gian khô Xác định độ bám dính màng sơn Xác định độ bền va đập, độ cứng Xác định độ bền uốn Xác định độ bóng Xác định hàm lượng bay hơi Xác định khả năng chịu muối màng sơn Xác định độ bền nước Xác định độ bền kiềm Xác định độ rửa trôi Xác định độ bền chu kỳ nóng lạnh Xác định trạng thái sơn trong thùng chứa, đặc tính thi công, độ ổn định ở nhiệt độ thấp và ngoại quan màng sơn	TCVN 2102:2020, TCVN 2091 : 2015 TCVN 2092:2013, TCVN 9879: 2013 TCVN 2095:1993 TCVN 9406:2012 TCVN 9760 : 2013 TCVN 2096-1:2015 TCVN 2097:2015, ASTM D4541 TCVN 2098:2007 TCVN 2100:2013 ASTM D3363 ASTM D2134 TCVN 2099:2013 TCVN 10370-2:2014 TCVN 8792:2011, ASTM B117 TCVN 8653-1:2024 TCVN 8653-2 : 2024, ASTM D 870 TCVN 8653-3: 2024, TCVN 9014: 2011 TCVN 8653-4: 2024 TCVN 8653-5:2024
	Sơn vạch kẻ đường	
96	Sơn tín hiệu giao thông hệ nước và dung môi: Độ mịn, ổn định, phát sáng, độ bền rửa trôi, chống loang màu, độ bền va đập, khả năng chịu dầu, muối, nước, kiềm, độ phản quang, mài mòn Xác định độ ổn định, độ chống loang màu, độ bền muối	TCVN 8787:2011 TCVN 8786:2011 TCVN 8791:2011
97	Sơn bảo vệ kết cấu thép: Đánh giá độ bám dính của lớp phủ Xác định độ phồng rộp, độ gỉ, độ rạn nứt, độ bong tróc, Sơn epoxy: Độ ổn định trong thùng, tính đồng nhất, thời gian khả năng chịu xăng, khả năng chịu nước muối	TCVN 12816:2019 TCVN 12005-2017 TCVN 9014:2011,
98	Vật liệu chống thấm nước dạng lỏng: Cường độ bám dính ;	TCVN 12692:2020,

	Độ chống thấm nước, Khả năng tạo cầu vết nứt Vật liệu chống thấm – sơn BITUM cao su : Xác định độ bám dính của màng sơn trên nền bê tông; xác định độ chịu nhiệt; xác định độ xuyên nước; xác định độ bền lâu;	ASTM D7234, ASTM D412 TCVN 6557:2000
	Tấm trải chống thấm :	
99	Xác định tải trọng kéo và độ dãn dài Xác định độ bền chọc thủng Xác định độ bền nhiệt Xác định độ thấm nước	TCVN 9067-1:2012 TCVN 9067-2:2012 TCVN 9067-3:2012 TCVN 9067-4:2012
	Băng cản nước, cao su lưa hóa (PVC)	
100	 Xác định độ cứng Xác định khối lượng riêng Xác định cường độ chịu kéo và độ giãn dài khi đứt Xác định độ bền hóa chất	TCVN1595:2013 ASTM D2240 TCVN4866:2013 TCVN4509:2020 TCVN 9407:2014 ASTM D412 TCVN 9409-1:2014 TCVN 9409-2:2014 TCVN 9409-3:2014 TCVN 9409-4:2014 TCVN 9409-5:2014 TCVN 2752:2017, ASTM D71, ASTM D471
XXIV	**VẢI ĐỊA KỸ THUẬT, LƯỚI ĐỊA, MÀNG HDPE, BẤC THẤM**	
101	 Xác định độ dày tiêu chuẩn Xác định khối lượng trên đơn vị diện tích Xác định cường độ chịu kéo, kéo mối nối, lực kéo giật và độ giãn dài kéo giật Xác định lực xé rách hình thang Xác định lực xuyên thủng CBR Xác định sức bền kháng thủng rơi côn, lực kháng xuyên thủng thanh Xác định áp lực kháng bục Xác định kích thước lỗ biểu kiến	TCVN 8220:2009 ASTM D5199 TCVN 8221:2009, ASTM D 5261 ASTM D3776 ASTM D5261 ASTM D 5993 TCVN 8485:2010, ASTM D 4595 TCVN 9138:2012; ASTM D4884 TCVN 8871-1:2011, ASTM D4632 TCVN 8871-2:2011, ASTM D 4533 ASTM DI004 ASTM D751 TCVN 8871-3:2011; ASTM D 6241 -2022; TCVN 8484:2010, TCVN 8871-4:2011;

		ASTM D4833 ASTM D5635 TCVN 8871-5 : 2011; ASTM D3786/D3786M TCVN 8871-6 : 2011, TCVN 8486: 2010 ASTM D4751 TCVN 8487:2010, ASTM D 4491 BS 6906, ASTM D 4716 TCVN 8482:2010, ASTM D3895 ASTM D5885
102	Xác định cường độ chịu kéo của chỉ nối	ASTM D2256 ASTM D6392-12
103	Xác định khối lượng riêng của lõi	ASTM D1505
104	Xác định cường độ kéo của lưới địa kỹ thuật	ASTM D6637/D6637M
105	Màng địa kỹ thuật polyetylen HDPE: Xác định độ dày của sần, xác định chiều cao sần, tính chịu kéo, độ bền chọc thủng, độ bền lão hóa nhiệt	TCVN 9749:2014 TCVN 9750:2014 TCVN 9751:2014 TCVN 9752:2014 TCVN 9753:2014 TCVN 9756:2014
XXV	**THỬ NGHIỆM KÍNH, GƯƠNG, KHUNG CỬA, VÁCH KÍNH, THANH PROFILE**	
106	Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan Thí nghiệm kính hộp: Xác định kích thước, khuyết tật ngoại quan Thử độ bền va đập bi rơi, va đập con lắc, thử phá mẫu Cửa sổ, cửa đi: Xác định kích thước ngoại quan, độ bền góc hàn thanh profile	TCVN 7219:2018 TCVN 7527:2005 TCVN 7528:2005 TCVN 7529:2005 TCVN 7364-6:2018 TCVN 8260:2009 TCVN 7364-4:2018 TCVN 7368:2013 TCVN 7452:2021 TCVN 7451:2004
XXVI	**THỬ NGHIỆM KHUNG XƯƠNG, TẤM THẠCH CAO, TẤM XI MĂNG SỢI**	
107	Xác định kích thước hình học, khuyết tật ngoại quan, thử tải khung trần Xác định kích thước,độ sâu của gờ vuốt thon và độ vuông góc của cạnh Xác định độ cứng của cạnh, gờ và lõi Xác định cường độ chịu uốn Xác định độ kháng nhổ Xác định độ biến dạng ẩm Xác định độ hút nước	TCVN 12694:2020; ASTM E3090/E3090M TCVN 8257-1:2023, ASTM C473 TCVN 8257-2:2023, ASTM C473 TCVN 8257-3:2023, ASTM C473 TCVN 8257-4:2023,

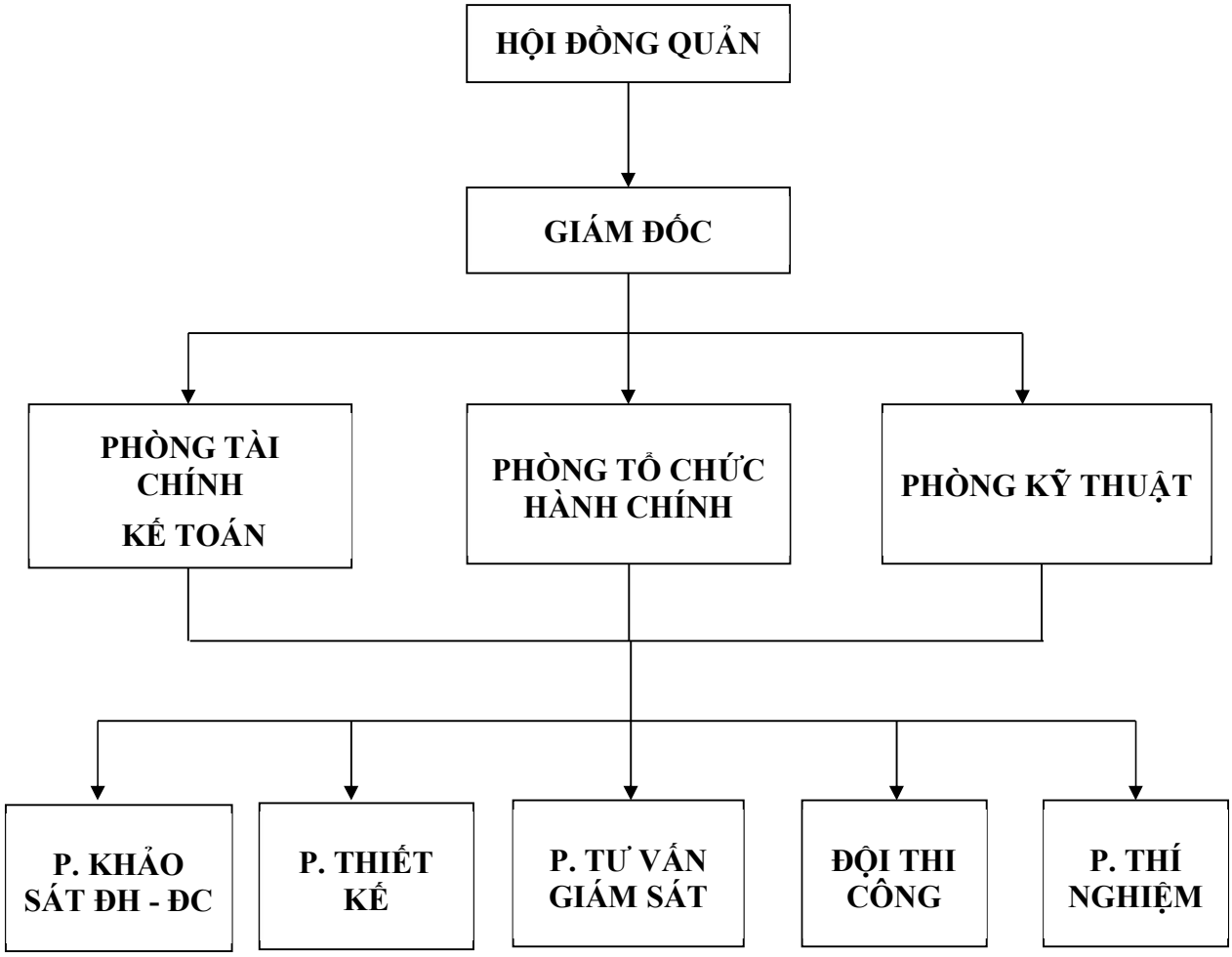
	Xác định độ hấp thụ nước bề mặt	ASTM C473 TCVN 8257-5:2023,ASTM C473 TCVN 8257-6:2023; ASTM C473 TCVN 8257-7:2023, ASTM C473
	Tấm xi măng sợi	
108	Xác định kích thước,độ thẳng cạnh và độ vuông góc - tấm xi măng sợi Xác định khối lượng thể tích biểu kiến Xác định độ co giãn ẩm Xác định cường độ chịu uốn - tấm xi măng sợi Xác định độ bền nước nóng Xác định chu kỳ nóng lạnh - Tấm xi măng sợi	TCVN 8259-1:2009 TCVN 8259-3:2009 TCVN 8259-4:2009 TCVN 8259-2:2009 TCVN 8259-7:2009 TCVN 8259-5:2009
XXVII	**THỬ NGHIỆM ỐNG NHỰA, PHỤ KIỆN ỐNG NHỰA, TẤM NHỰA MICA**	
109	Kiểm tra kích thước, độ dầy, đường kính, độ ovan	TCVN 6145:2007 TCVN6150-1:2020 TCVN6148:2007
110	Xác định độ bền kéo và dãn dài Xác định độ bền va đập bên ngoài Xác định độ cứng vòng Xác định độ bền với áp suất bên trong - Phương pháp thử chung Thử nghiệm độ tách lợp, độ phồng rộp của ống nhiệt dẻo – Phương pháp tủ sấy	TTCVN 7434:2020 TCVN 6144:2003 TCVN 8850:2011 TCVN 6149-1:2007 TCVN 12306:2018
XXVIII	**THỬ NGHIỆM TẤM TƯỜNG**	
111	Tấm tường rỗng bê tông đúc sẵn theo công nghệ đùn ép: Kiểm tra kích thước và khuyết tật ngoại quan; Xác định độ bền treo vật nặng, độ bền va đập	TCVN 11524:2016
112	Tấm tường bê tông khí chưng áp cốt thép : Kiểm tra Xác định kích thước và sai lệch kích thước, Kiểm tra chỉ tiêu ngoại quan và khuyết tật, Kiểm tra khối lượng thể tích, Kiểm tra cường độ chịu nén, Kiểm tra độ ẩm, độ co khô, chiều dày bảo vệ cốt thép, khả năng chịu uốn, khả năng treo vật nặng, khả năng chịu va đập	TCVN 12868:2020

Ghi chú (*): Các chỉ tiêu kỹ thuật dùng cho các phép thử được liệt kê đầy đủ, bao gồm tiêu chuẩn Việt Nam và nước ngoài (nếu có). Khi có phiên bản mới về tiêu chuẩn kỹ thuật thay thế tiêu chuẩn cũ, phải áp dụng tiêu chuẩn mới tương ứng.

Sơ đồ tổ chức

Với cơ cấu tổ chức linh hoạt, đồng thời thực hiện tốt việc phối kết hợp giữa kinh nghiệm dày dạn của đội ngũ chuyên gia đầu ngành và những thành quả do cập nhật, tiếp cận và đầu tư nghiên cứu khoa học công nghệ mang lại, Công ty sẽ đáp ứng yêu cầu của khách hàng một cách nhanh nhất với chất lượng dịch vụ tốt nhất.

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC



DANH SÁCH CÁN BỘ NHÂN VIÊN

Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ sư có năng lực và kinh nghiệm trong thi công và thiết kế , giám sát các công trình, thí nghiệm chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình.

TT	HỌ VÀ TÊN	NĂM SINH	NƠI SINH	CHỨC VỤ	TRÌNH ĐỘ CHUYÊN MÔN
1	Cao Văn Toàn	1984	Hà Nội	Giám đốc	Ks. Cầu Đường
2	Đỗ Trung Hải	1988	Ninh Bình	P. Giám đốc	CĐ giao thông
3	Trần Thị Quê	1984	Hà Nội	Kết Toán	Cử nhân KT
4	Trương Thành Quyết	1983	Hà Nội	Trưởng PTN	Kinh tế xây dựng
5	Cao Văn Tiến	1982	Hải Phòng	CB. Kỹ thuật	Cao Đẳng XD
6	Cao Thị Thủy	1992	Hà Nội	CB. Kỹ thuật	Cử nhân KT
7	Trần Mạnh Cường	1980	Hà Nội	CB. Kỹ thuật	Cao Đẳng XD
8	Lê Bá Phương	1984	Hà Nội	Chuyên gia	Ks. Đường Bộ
9	Hoàng Mạnh Linh	1984	Hà Nội	Tr. phòng giám sát	Ks. Cầu đường, bộ
10	Dương Thanh Hiển	1981	Hà Nội	CB. Kỹ thuật	Ks. Cầu Đường
11	Phạm Thùy Dương	1984	Hà Nội	CB. Kỹ thuật	Kinh tế XD
12	Đỗ Xuân Thủy	1985	Hải Phòng	CB. Kỹ thuật	Kiến Trúc CT
13	Hoàng Vũ Long	1984	Hà Nội	CB. Kỹ thuật	Ks. Kiến Trúc
14	Vương Đắc Lộc	1983	Hải Phòng	CB. Kỹ thuật	Kiến Trúc CT

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI

M.S.D.N: 0108595553 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG NAM DƯƠNG HÀ NỘI
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

GIÁM ĐỐC
Cao Văn Toàn

Các lĩnh vực sản xuất kinh doanh

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần tư vấn xây dựng **Nam Dương Hà Nội** đa dạng và phong phú trên các lĩnh vực thi công, tư vấn, khảo sát các công trình xây dựng. Dịch vụ của Công ty bao gồm :

+ Xây dựng nhà các loại

+ Xây dựng công trình công ích

+ Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ

+ Sửa chữa, cải tạo, di dời, tu bổ, phục hồi, bảo hành, bảo trì công trình

+ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác

+ Hoàn thiện công trình xây dựng

+ Khảo sát hiện trạng công trình, Khảo sát địa chất thủy văn, khảo sát địa chất công trình, Khảo sát địa hình

+ Kiểm định xây dựng

+ Quan trắc biến dạng công trình, quan chắc lún công trình, đo chuyển vị ngang, đo độ nghiêng công trình, trắc địa công trình xây dựng

+ Thí nghiệm chuyên ngành xây dựng

+ Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác

+ Hoạt động thiết kế chuyên dụng

+ Thiết kế kiến trúc công trình

+ Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp

+ Thẩm tra thiết kế xây dựng công trình

+ Hoạt động tư vấn quản lý

+ Tư vấn lập hồ sơ mời thầu

+ Lập dự án đầu tư xây dựng công trình

+ Tư vấn quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình hạng 2

+ Tư vấn đầu tư

+ Xác định chỉ tiêu suất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chỉ số giá xây dựng

+ Đo bóc khối lượng xây dựng công trình

+ Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình

+ Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng

+ Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng

+ Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình

+ Lắp đặt hệ thống điện

+ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi điều hòa không khí

+ Chuẩn bị mặt bằng

+ Phá dỡ

+ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác

+ Sản xuất giường, tủ, bàn ghế

+ Sản xuất đồ gỗ xây dựng

+ Thi công chống mối

+ Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng

+ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác ngành xây dựng

+ Bán lẻ đồ diện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác

+ Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại

+ Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận.

